

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 180/2025/TLST/HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn*: Võ Thị Y, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn*: Phạm Văn C, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp L, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị Y và ông Phạm Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà Võ Thị Y được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là Phạm Thị Minh N, sinh ngày 05 tháng 11 năm 2011 và Phạm Thị Minh T, sinh ngày 08 tháng 10 năm 2018. Ông Phạm Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con chung theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng cho mỗi con chung số tiền là 1.000.000 đồng (một triệu đồng), thời gian cấp

đưỡng tính từ ngày ban hành quyết định này (05/5/2025) cho đến khi các con chung là Phạm Thị Minh N và Phạm Thị Minh T đủ 18 tuổi.

Bà Võ Thị Y cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Phạm Văn C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, không xem xét.

2.3. Về án phí: Ông Phạm Văn C phải nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng. Bà Võ Thị Y tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001922 ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, còn lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) giao trả lại cho bà Võ Thị Y.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- UBND xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hồ Hữu Thắng